

Số: 43/2019/QĐST-HNGĐ

Sa Thầy, ngày 09 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 27-6-2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Hà Th T, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn B, xã S B, huyện S T, tỉnh Kon Tum
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị M Ch, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Thôn B, xã S B, huyện S T, tỉnh Kon Tum

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01-8-2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01-8-2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Hà Th T và chị Nguyễn Thị M Ch.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh Hà Th T và chị Nguyễn Thị M Ch có 02 con chung tên là Hà Thị M L, sinh ngày 06/3/2012 và Hà Th P, sinh ngày 15/9/2015.

Khi ly hôn, anh Hà Th T và chị Nguyễn Thị M Ch thỏa thuận:

- Chị Nguyễn Thị M Ch được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Hà Thị M L và Hà Th P cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

- Anh Hà Th T nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng: 1.250.000 đồng/tháng/01 con chung. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9-2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Hà Th T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2.2 Tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Anh Hà Th T và chị Nguyễn Thị M Ch, mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hà Th T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng. Anh T tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm của chị Chánh. Do đó, tổng số tiền án phí mà anh Tuấn phải nộp là 300.000 đồng được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng mà anh Tuấn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000857 ngày 27-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Anh Hà Th T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Theo quy định tại các Điều 6 ; 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự năm 2009 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND xã Kroong, tp. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Thiền Thị Dũng